TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị D có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, nguyên đơn chị D trình bày:

Chị với anh N chung sống vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/12/2014. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi vã trong gia đình. Vào năm 2019, chị biết được anh N sống không chung thủy, nên chị khuyên anh N quay về với vợ con, gia đình hai bên cũng hàn gắn thuyết phục anh N thì anh N hứa thay đổi nhưng vẫn giấu gia đình tiếp tục sống không chung thủy. Đến khoảng giữa năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn,

không thể nào hàn gắn được, gia đình không còn hạnh phúc, không thể hòa hợp, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm cuộc sống của nhau. Chị cũng có nắm thông tin anh N đã có con riêng và chung sống vợ chồng với người phụ nữ khác. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên T, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị D có đơn xin vắng mặt. Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D và anh N theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh N chung sống vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh N là hợp pháp. Chị D xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh N. Nhưng anh N cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị D nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh N có một người con chung tên T, sinh ngày 25/02/2015, hiện do chị D nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng: Cháu T do chị D nuôi dưỡng đã ổn định, cháu T đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với chị D nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị D ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 25/02/2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017282 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị D đã thi hành xong án phí.

4. Chị D, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức